

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân.

2. Bà Phạm Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/05/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1985 (*Có mặt*).

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1984 (*Có mặt*).

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2021, bản tự khai ngày 18/11/2021, lời trình bày tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Phan Văn T và bà Võ Thị Thu H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 quyển số 01 ngày 10/7/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh

Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hòa hợp làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông và bà H đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Cũng từ năm 2019 đến nay ông và bà

H cũng không còn chung sống với nhau. Ông T xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn bà Võ Thị Thu H.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: Đang sự xác định không có nợ chung.

Ông tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2021, lời trình bày tại các biên bản hòa giải, bị đơn bà Võ Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất như lời trình bày của ông T và không có ý kiến gì khác.

Vợ chồng bà sống chung với nhau hạnh phúc nhưng từ khi ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác và có con nên ra ngoài sống mấy năm nay không quan tâm tới tôi; ông T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn lần này là lần thứ hai. Vì hiện nay tôi không xác định được địa chỉ của người phụ nữ kia nên chưa làm đơn tố cáo người phụ nữ đó có mối quan hệ bất chính với ông T.

Quan điểm của tôi là không đồng ý ly hôn: Hiện nay tôi vẫn còn yêu chồng, muốn hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống với nhau xây dựng hạnh phúc.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như phần trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

+ Bị đơn thừa nhận vợ chồng đã không còn hạnh phúc mấy năm nay ông T đã chung sống với người phụ nữ khác và có con nhưng vẫn không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu chồng và muốn hàn gắn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 84 quyển số 01 ngày 10/7/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh thì ông Phan Văn T và bà Võ Thị Thu H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông T có yêu cầu ly hôn là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Phan Văn T yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Thu H. Do bà H đang cư trú tại địa chỉ khu phố B, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét trong quá trình chung sống ông T và bà H thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau, trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, không ai tạo điều kiện đoàn tụ. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn cùng bà H, Tòa án đã hòa giải nhưng anh T cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù thừa nhận vợ chồng đã không còn hạnh phúc mấy năm nay ông T đã chung sống với người phụ nữ khác và có con nhưng bà H nhưng vẫn không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu chồng và muốn hàn gắn.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa ông T và bà H trong quá trình sống chung thường xuyên phát sinh cãi vã, thiếu sự quan tâm, tin tưởng nhau trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà H xác định chưa có.

[3.3] Về tài sản chung: Ông T và bà H xác định không có.

[3.4] Về nợ chung: Ông T và bà H xác định không có.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Phan Văn T nghĩa vụ phải nộp, được cản trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0073582 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T. Xử cho ông Phan Văn T được ly hôn với bà Võ Thị Thu H.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Ghi nhận ông T, bà H xác định không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận ông T, bà H xác định không có.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Phan Văn T nghĩa vụ phải nộp, được cân trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0073582 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Ông T đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND thị trấn Nhà Bè, huyện nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thanh Loan